

Bản án số: 17/2018/HSST
Ngày 24/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 17/2018/TLST-HS ngày 24/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXXST-HS ngày 10/5/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Đình V; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1998 tại Đ; Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ; Chỗ ở: Tổ dân phố 6, E, huyện C, tỉnh Đ; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Cao Đình K, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, hiện đang sinh sống tại tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/02/2018 đến ngày 15/02/2018 bị tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1/ Anh Trần Minh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đ. – Vắng mặt

2/ Anh Nguyễn Trọng X, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ. – Có mặt

3/ Anh Nguyễn Việt Phương, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, E, huyện C, tỉnh Đ. – Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Lê Xuân T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ. – Vắng mặt

2/ Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 324 đường N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ. – Vắng mặt.

3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ. – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 09/02/2018, bị cáo Cao Đình V đi bộ từ cầu 14, TP. B về nhà tại tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ. Khi đi ngang trạm bơm nước bỏ hoang thuộc thôn 11, xã T, huyện C, tỉnh Đ, thì V phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream II, màu nâu, biển kiểm soát 48F2 – 6663 của anh Trần Minh T dựng ở bên đường, không có người trông coi nên V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. V tiến lại khu vực để xe rồi dùng tay giật đứt dây điện ở cổ xe, dắt ra đường nhựa rồi nổ máy và điều khiển xe đi về nhà. V điều khiển xe vừa trộm theo hướng xã Tr, huyện C, khi đi đến đoạn đường gần cây xăng Nhà nước thì V dừng lại, dùng tay tháo bỏ biển kiểm soát 48F2 – 6663 và vứt vào bụi cỏ ven đường. Sau đó, V vào tiệm thu mua phế liệu của bà Nông Thị Ng (ở tổ dân phố 01, TT E, huyện C, tỉnh Đ), mua một biển kiểm soát 73K4 – 3148 với giá 10.000đ (Mười nghìn đồng) và gắn vào xe rồi điều khiển xe đi về nhà. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, V điều xe trên đi ra chợ C thì bị Công an huyện C phát hiện bắt giữ.

Trong quá trình điều tra Cao Đình V còn khai nhận đã một mình thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

Vào khoảng 4 giờ 30 phút ngày 08/12/2017, bị cáo Cao Đình V đi bộ từ nhà (ở tổ dân phố 6, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ) đến nhà anh Nông Quốc V ở Bon U, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ. Khi đến Ngân hàng Đông Á (địa chỉ: số 348, đường, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ) thì V phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Lever, màu nâu, biển kiểm soát 47H6 – 2169 của anh Nguyễn Trọng X để sát cửa ra vào của ngân hàng, không có người trông coi nên V nảy sinh ý định trộm cắp. V tiến lại khu vực để xe, dắt xe ra ngoài và dắt bộ chiếc xe về nhà anh Vư. Sau đó, V mượn 01 (một) chiếc cờ lê 10 của anh V để tháo biển kiểm soát 47H6 – 2169 và vứt biển kiểm soát này cùng chiếc cờ lê 10 vào gầm giường nhà anh V. V dắt xe ra cổng, rút dây điện ở cổ xe máy rồi đạp nổ máy xe và điều khiển xe chạy đến tiệm thu mua phế liệu của ông Dương Văn N (ở thôn 01, xã T, huyện C, tỉnh Đ) mua 01 (một) biển kiểm soát 48H2 – 4187 với giá 10.000đ (Mười nghìn đồng) rồi gắn vào chiếc xe mô tô trên. Sau đó, V điều khiển xe đến tiệm cầm đồ 666 (ở Bon U, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ) do anh Lê Tiến D làm chủ. V giao dịch cầm cố chiếc xe trên với anh Nguyễn Thành Q là người làm thuê tại quán lầy 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Sau đó, V đi đến nhà anh Lê Xuân T để gạ bán chiếc xe mô tô mà V cầm tại tiệm cầm đồ 666 với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Anh T đồng ý và cùng V đi đến tiệm cầm đồ 666 chuộc lại chiếc xe máy nói trên với giá 220.000đ (Hai trăm hai mươi nghìn đồng) và ông T đưa tiếp cho V 780.000đ (Bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền trên V đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 17 giờ ngày 04/01/2018, Cao Đình V phát hiện nhà anh Nguyễn Việt P (ở tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ) đi vắng, không có người trông coi nên V

nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. V tiến lại khu vực phía cửa sau, lấy 01 (một) cây gỗ có chiều dài khoảng 80cm, đường kính trung bình khoảng 3 - 5cm đập vào chốt cửa làm bung chốt. Sau đó, V mở cửa đi vào nhà. V đi đến phòng khách thì thấy 01 (một) bình phay làm bằng gỗ hương đặt ở sát tường nên lấy và mang ra phía sau nhà rồi lại quay vào lấy 02 (hai) lục bình làm bằng gỗ mít đặt ở sát tivi trong phòng khách. Sau đó, V sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xanh – trắng, biển kiểm soát 48D1 – 203.10 (đây là xe máy V mượn của ông Cao Đình K là bố của V) chở 01 (một) bình phay đến tiệm cầm đồ 666, cầm cho anh Nguyễn Thành Q với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và đem 02 (hai) lục bình vừa trộm về cất tại nhà của V. Số tiền cầm bình phay, V đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 09/02/2018, sau khi bị Cơ quan CSĐT phát hiện và bắt giữ, V đã khai nhận và giao nộp 02 (hai) lục bình trên cho Cơ quan CSĐT.

Vật chứng của vụ án Cơ quan CSĐT Công an huyện C thu giữ gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại dream II, màu nâu, gắn biển kiểm soát 73K4 – 3148; số khung C100M-0216959; số máy C100ME- 0216959, đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu LEVER, màu nâu, gắn biển kiểm soát 48H2 – 4187; số khung LV100-201006504, số máy 50FMG3-10414502, đã qua sử dụng.

- 01 (một) Biển kiểm soát 48F2 – 6663.

- 01 (một) Biển kiểm soát 47H6 – 2169.

- 01 (một) Bình phay làm bằng gỗ hương, có kích thước: cao 66cm, dài 60cm và chỗ rộng nhất là 34cm.

- 02 (hai) lục bình đều làm bằng gỗ mít, đều có kích thước: cao 55cm, đường kính nơi lớn nhất là 13cm.

- 01 (một) cờ lê 10, có đặc điểm: 01 đầu hờ, 01 đầu tròn, chiều dài 158mm, mặt trước có chữ CHROME – VANADIUM, mặt sau có chữ 10 YTB USA Standard 10.

Đối với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) bị cáo V bán xe cho anh T và số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) bị cáo V cầm bình phay mà có, V đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được.

Đối với một khúc cây có chiều dài khoảng 3 - 5cm mà V sử dụng làm công cụ phá chốt của nhà anh Nguyễn Việt P. Sau khi đập chốt cửa xong thì V vứt lại tại khu vườn phía sau của nhà anh P. Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành truy tìm nhưng không phát hiện nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận:

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại dream II, màu nâu, biển kiểm soát 73K4 – 3148; số khung C100M-0216959; số máy C100ME- 0216959, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm hại ngày 09/02/2018 có giá trị 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- 01 (một) Bình phay làm bằng gỗ hương, có kích thước: cao 66cm, dài 60cm và chỗ rộng nhất là 34cm, tại thời điểm bị xâm hại vào tháng 01/2018 có giá trị 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- 02 (hai) lục bình đều làm bằng gỗ mít, đều có kích thước: cao 55cm, đường kính nơi lớn nhất là 13cm, tại thời điểm bị xâm hại vào tháng 01/2018 có giá trị $250.000đ \times 2 = 500.000đ$ (Năm trăm nghìn đồng).

Tại kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 01 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cư Jut kết luận:

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu LEVER, màu nâu, biển kiểm soát 48H2 – 4187; số khung LV100-201006504, số máy 50FMG3-10414502, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị xâm hại ngày 08/12/2017 có giá trị 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại dream II, màu nâu; số khung C100M-0216959; số máy C100ME- 0216959 và biển kiểm soát 48F2 - 6663 là của anh Trần Minh T (HKTT: Thôn 6, xã T, huyện C, tỉnh Đ); 01 (một) xe máy nhãn hiệu LEVER, màu nâu; số khung LV100-201006504, số máy 50FMG3-10414502 và biển kiểm soát 48H6 – 2169 là của anh Nguyễn Trọng X (HKTT: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ); 01 (một) bình phay làm bằng gỗ hương, có kích thước: cao 66cm, dài 60cm và chỗ rộng nhất là 34cm và 02 (hai) lục bình đều làm bằng gỗ mít, đều có kích thước: cao 55cm, đường kính nơi lớn nhất là 13cm là của anh Nguyễn Việt (HKTT: Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ); 01 (một) cò lê 10, có đặc điểm: 01 đầu hờ, 01 đầu tròn, chiều dài 158mm, mặt trước có chữ CHROME – VANADIUM, mặt sau có chữ 10 YTB USA Standard 10 là của anh Nông Quốc V (HKTT: Bon U3, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ) nên ngày 07/03/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện C ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Trần Minh T, anh Nguyễn Trọng X và anh Nguyễn Việt P đã nhận lại tài sản bị mất nên không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành Q không yêu cầu bị cáo bồi thường, anh Lê Xuân T đã nhận được số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) do gia đình bị cáo bồi thường nên không có yêu cầu gì thêm, bà Nguyễn Thị H đã bồi thường số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho anh T thay cho bị cáo nhưng không yêu cầu bị cáo trả lại.

Bản Cáo trạng số 19/CTr-VKS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Cao Đình V về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Đình V khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, việc truy tố bị cáo về tội **“Trộm cắp tài sản”** là đúng, không oan.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C khẳng định việc truy tố bị cáo Cao Đình V ra trước Tòa án nhân dân huyện C để xét xử về tội **“Trộm cắp tài sản”** theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số 19/CTr-VKS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Sau khi phân tích

các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Cao Đình V từ 12 đến 16 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy biển kiểm soát 73K4 – 3148 và 48H2 – 4187 là công cụ phạm tội.

- Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C: Trả lại 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại dream II, màu nâu; số khung C100M-0216959; số máy C100ME- 0216959 và biển kiểm soát 48F2 - 6663 cho anh anh Trần Minh T; 01 (một) xe máy nhãn hiệu LEVER, màu nâu; số khung LV100-201006504, số máy 50FMG3-10414502 và biển kiểm soát 48H6 – 2169 cho anh Nguyễn T Xuyên; 01 (một) bình phay làm bằng gỗ hương, có kích thước: cao 66cm, dài 60cm và chỗ rộng nhất là 34cm và 02 (hai) lục bình đều làm bằng gỗ mít, đều có kích thước: cao 55cm, đường kính nơi lớn nhất là 13cm cho anh Nguyễn Việt P 01 (một) cò lê 10, có đặc điểm: 01 đầu hỏ, 01 đầu tròn, chiều dài 158mm, mặt trước có chữ CHROME – VANADIUM, mặt sau có chữ 10 YTB USA Standard 10 cho anh Nông Quốc V là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của bị cáo HĐXX thấy rằng: Từ ngày 08/12/2017 đến ngày 09/02/2018 tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ, bị cáo Cao Đình V đã có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LEVER, màu nâu, biển kiểm soát 47H6 – 2169 của anh Nguyễn Trọng X, 01 (một) bình phay làm bằng gỗ hương và 02 (hai) lục bình làm bằng gỗ mít của anh Nguyễn Việt P, 01 (một) chiếc xe máy hiệu Honda, loại dream II, màu nho, biển kiểm soát 48F2 – 6663 của anh Trần Minh T. Tổng giá trị tài sản Cao Đình V trộm cắp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Cao Đình V đã phạm vào tội **“Trộm cắp tài sản”** theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều 173. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1/ Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....”

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được quyền đối với tài sản của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Vì vậy, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp ba lần trong đó cả ba lần đều đủ cấu thành tội phạm vì vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với anh Nông Quốc V là người Cao Đình V khai biết rõ chiếc xe máy nhãn hiệu LEVER, màu nâu mà V đi đến nhà của V là chiếc xe do V trộm cắp mà có. Xét thấy có sự mâu thuẫn trong lời khai của V và V, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành đối chất giữa hai bên. Tuy nhiên, hai bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Do đó không có căn cứ để xử lý V.

Đối với anh Nguyễn Thành Q đã có hành vi cầm 01 (một) xe máy và 01 (một) bình phay. Tuy nhiên anh Q không biết đây là tài sản do bị cáo V phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Lê Xuân T đã có hành vi mua lại chiếc xe mô tô từ bị cáo V. Tuy nhiên, anh T không biết đây là tài sản do bị cáo V phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Cao Đình K đã có hành vi cho bị cáo V mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 48D1 – 203.10. Tuy nhiên, ông K không biết mục đích của V khi mượn xe máy nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị Ng là hai người đã có hành vi bán biển kiểm soát 48H2 – 4187 và 73K4 – 3148 cho bị cáo V. Tuy nhiên, hai người này

không biết mục đích của bị cáo V khi mua biển kiểm soát để làm gì, nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng của vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy biển kiểm soát 73K4 – 3148 và 48H2 – 4187 là công cụ phạm tội.

- Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C: Trả lại 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại dream II, màu nâu; số khung C100M-0216959; số máy C100ME- 0216959 và biển kiểm soát 48F2 - 6663 cho anh anh Trần Minh T; 01 (một) xe máy nhãn hiệu LEVER, màu nâu; số khung LV100-201006504, số máy 50FMG3-10414502 và biển kiểm soát 48H6 – 2169 cho anh Nguyễn Trọng X; 01 (một) bình phay làm bằng gỗ hương, có kích thước: cao 66cm, dài 60cm và chỗ rộng nhất là 34cm và 02 (hai) lục bình đều làm bằng gỗ mít, đều có kích thước: cao 55cm, đường kính nơi lớn nhất là 13cm cho anh Nguyễn Việt P; 01 (một) cờ lê 10, có đặc điểm: 01 đầu hờ, 01 đầu tròn, chiều dài 158mm, mặt trước có chữ CHROME – VANADIUM, mặt sau có chữ 10 YTB USA Standard 10 cho anh Nông Quốc V là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đề cập xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét những chứng cứ buộc tội bị cáo, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đưa ra: Xét đề nghị của kiểm sát viên về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp, mức hình phạt đề nghị áp dụng từ 12 đến 16 tháng tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX sẽ xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Cao Đình V phạm tội ***“Trộm cắp tài sản”***.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Xử phạt bị cáo Cao Đình V 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 09/02/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy biển kiểm soát 73K4 – 3148 và 48H2 – 4187 là công cụ phạm tội. (Theo quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân huyện C, tỉnh Đ).

- Chấp nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an huyện C: Trả lại 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại dream II, màu nâu; số khung C100M-0216959; số máy C100ME- 0216959 và biển kiểm soát 48F2 - 6663 cho anh anh Trần

Minh T; 01 (một) xe máy nhãn hiệu LEVER, màu nâu; số khung LV100-201006504, số máy 50FMG3-10414502 và biển kiểm soát 48H6 – 2169 cho anh Nguyễn Trọng X; 01 (một) bình phay làm bằng gỗ hương, có kích thước: cao 66cm, dài 60cm và chỗ rộng nhất là 34cm và 02 (hai) lục bình đều làm bằng gỗ mít, đều có kích thước: cao 55cm, đường kính nơi lớn nhất là 13cm cho anh Nguyễn Việt P; 01 (một) cò lê 10, có đặc điểm: 01 đầu hở, 01 đầu tròn, chiều dài 158mm, mặt trước có chữ CHROME – VANADIUM, mặt sau có chữ 10 YTB USA Standard 10 cho anh Nông Quốc V là các chủ sở hữu hợp pháp.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đề cập xử lý.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Cao Đình V phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thế Thắng